

GIỚI THIỆU LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHXH&NV

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

NGUYỄN THỊ MAI HOA. *Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc từ 1975 đến 2001*

Chuyên ngành: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

MS: 62 22 56 01

Việt Nam-Trung Quốc là hai nước láng giềng, đã có mối quan hệ lịch sử, văn hóa, xã hội hàng nghìn năm. Ở những mức độ khác nhau, trong những thời kỳ lịch sử khác nhau, mối quan hệ này có thăng, có trầm, và trở thành một trong những mối quan hệ lâu dài, điển hình trong lịch sử bang giao quốc tế.

Ở thời hiện đại, hai nước đã lựa chọn chế độ chính trị và hệ tư tưởng tương đồng, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong hơn 57 năm qua, kể từ khi hai nước công nhận lẫn nhau và đặt quan hệ ngoại giao, mối quan hệ hữu nghị, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau là dòng chủ đạo. Từ năm 1975 đến năm 2001 cũng vậy, tuy rằng có thời đoạn không ngắn, mối quan hệ truyền thống lâu đời giữa hai nước cũng trải qua những thử thách sống còn.

Hiện nay, Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, phấn đấu đến năm 2020 sẽ trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại, do đó cần giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước. Trong bối cảnh ấy, xây dựng, củng cố và phát triển mối quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trên cơ sở nhìn nhận lại chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quan hệ với Trung

Quốc, giai đoạn 1975-2001; đánh giá thành công, hạn chế; rút ra bài học kinh nghiệm, là điều hết sức cần thiết. Và đây cũng là nội dung nghiên cứu chính của luận án này.

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận án được chia làm 4 chương.

Chương 1, *Chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc từ năm 1975 đến 1986* (tr.14-32). Tác giả khái quát lại quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong giai đoạn 1950-1975; làm rõ chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc những năm 1975-1978 và bước đầu giải quyết những mâu thuẫn trong quan hệ với Trung Quốc từ năm 1978 đến năm 1986.

Theo tác giả luận án, trong giai đoạn từ 1975 đến 1986, là thời điểm những năm đầu sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, quan hệ Việt Nam-Trung Quốc về bên ngoài còn đáng vẻ bình thường, nhưng bên trong đã manh nha những rạn nứt, chủ trương của Đảng có phần chậm trễ, thiếu nhạy cảm (tr.34). Từ cuối năm 1978, Đảng mới có những bước đi dứt khoát, bắt đầu bằng việc giải quyết mâu thuẫn, đi từ giải quyết vấn đề người Việt gốc Hoa đến giải quyết vấn đề biên giới trên bộ và trên biển, dẫn tới cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc (tháng 2/1979) và chiến tranh toàn diện sau đó. Đây là điều khó tránh khi Trung Quốc gắn nó với việc chấp nhận sự trở lại Việt Nam của người Hoa, đặc biệt gắn nó với vấn đề Campuchia.

Đảng và Chính phủ Việt Nam đã chú trọng tập trung giải quyết vấn đề người Việt gốc Hoa, nhằm nhanh chóng

ổn định tình hình. Tác giả đã dẫn ra những quyết định, biện pháp cụ thể của Đảng và Chính phủ đối với người Hoa đã làm ăn, sinh sống lâu đời ở Việt Nam; đối với số Hoa kiều từ Campuchia chạy sang nước ta sau ngày 01/04/1975; và với những Hoa kiều muốn xin về Trung Quốc.

Trong giải quyết vấn đề xung đột giữa Việt Nam-Trung Quốc về biên giới trên bộ và chủ quyền trên biển Đông, tác giả nhấn mạnh, Việt Nam luôn giữ thái độ đúng mực, kiên trì quan điểm giải quyết vấn đề biên giới bằng thương lượng hòa bình. Tuy nhiên, những cố gắng, nỗ lực từ phía Đảng và Nhà nước Việt Nam để giải quyết những vướng mắc, bất đồng với Trung Quốc lại không nhận được sự hưởng ứng đáng kể nào từ phía Trung Quốc. Điều này khiến cho quan hệ hai nước vẫn tiếp tục ở trong tình trạng băng giá (tr. 57).

Tóm lại, từ năm 1975 đến năm 1978, quan hệ Việt Nam-Trung Quốc tuy bề mặt vẫn còn hữu nghị, song bên trong đã hé lộ những rạn nứt. Tuy nhiên, chủ trương của Đảng trong giai đoạn này vẫn chưa thực sự bám sát diễn biến của tình hình, còn chần chừ, chưa hiểu rõ ý đồ chiến lược của Trung Quốc đối với ta, và vì vậy, không khởi chậm trễ, thiếu linh hoạt (tr. 57).

Trước tình hình quan hệ hai nước không mấy sáng sủa, Đảng Cộng sản Việt Nam đã nỗ lực tìm kiếm phương thức giảm thiểu tình trạng căng thẳng, tiếp tục thúc đẩy tiến trình bình thường hóa với mong muốn tiến tới thiết lập lại quan hệ bình thường với Trung Quốc (tr.58).

Chương 2, *Chủ trương tiến tới bình thường hóa quan hệ với Trung quốc của Đảng những năm 1986-1991* (tr.59 - 99).

Bắt đầu từ Đại hội VI năm 1986 của Đảng Cộng sản Việt Nam với đường lối

đổi mới toàn diện đất nước và mở cửa, mở rộng quan hệ với các nước, trước hết với các nước láng giềng như Trung Quốc, quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trở lại bình thường.

Ở đây, tác giả luận án đi sâu phân tích chủ trương bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc của Đảng Cộng sản Việt Nam thể hiện qua Nghị quyết Đại hội VI (tháng 12/1986), Nghị quyết 13 Bộ Chính trị (tháng 5/1988); những bước đi thể hiện tinh thần đổi mới tư duy đối ngoại của Việt Nam; đồng thời trình bày những động thái cụ thể của Việt Nam. Tuy nhiên ở giai đoạn này, Trung Quốc vẫn tiếp tục có những hành động làm căng thẳng thêm tình hình tại biên giới trên bộ và trên biển, thậm chí chiến sự đã xảy ra khốc liệt ở nhiều thời điểm khác nhau. Trung Quốc vẫn tiếp tục tuyên truyền và thực hiện chống phá Việt Nam trên cả hai phương diện trong nước và quốc tế. Mặc dù vậy, chủ trương của Đảng, Nhà nước Việt Nam là từ trong khúc mắc, khó khăn, tiếp tục tìm kiếm tiếng nói chung, hướng tới mục đích bình thường hóa quan hệ với Trung quốc, vì hòa bình và phát triển của đất nước và khu vực (tr. 60-66).

Đặc biệt, tác giả còn làm rõ chủ trương của Đảng trong giải quyết dứt điểm vấn đề Campuchia, vì đây được coi như chiếc chìa khóa trong quá trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam-Trung Quốc (tr. 76).

Chương 3, *Đảng chủ trương củng cố, thúc đẩy và phát triển quan hệ với Trung Quốc từ năm 1991 đến năm 2001* (tr. 99-141).

Ở chương này, tác giả luận án trình bày các diễn biến mới trong quan hệ quốc tế cũng như tình hình Trung Quốc và Việt Nam. Tác giả cho rằng, từ giữa những năm 1990 cho đến đầu những năm 2000, xu thế hòa bình, hợp tác và

phát triển vẫn là xu thế chủ đạo. Tình hình Việt Nam, Trung Quốc tiếp tục có những biến chuyển thuận lợi. Mỗi nước tiếp tục có vị trí, vai trò nhất định trong khu vực và trên trường quốc tế (tr. 114). Quan hệ Việt Nam-Trung Quốc được củng cố, từng bước tăng cường, phát triển. Tuy nhiên, cũng cần nhận thấy rằng, mặc dù quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế - thương mại, khoa học-kỹ thuật, văn hóa-giáo dục, hợp tác an ninh-quốc phòng bước đầu đã có nét khởi sắc, nhưng trong giai đoạn 1991-1995, hoạt động đầu tư giữa hai nước hầu như giậm chân tại chỗ, rất ít đầu tư hoặc đầu tư nhỏ lẻ, không đáng kể (tr.106).

Cùng với những nội dung trên, tác giả cũng trình bày những sự kiện quan trọng diễn ra trong năm 1995-1998 thông qua các chuyến viếng thăm chính thức của lãnh đạo cấp cao hai nước, nhằm tăng cường hiểu biết, từ đó mở rộng quan hệ theo cả chiều rộng, chiều sâu cho phù hợp với tình hình mới.

Tiểu kết chương 3, luận án khẳng định: "Quan hệ Việt Nam-Trung Quốc từ không bình thường chuyển sang bình thường và hợp tác ngày một toàn diện là một sự chuyển biến rất to lớn, là một sự kiện chính trị, ngoại giao của thế giới và khu vực. Không nghi ngờ gì, cả Việt Nam và Trung Quốc đều nhìn nhận mối quan hệ song phương là một hướng quan trọng trong chính sách đối ngoại của mỗi nước" (tr. 140).

Trong chương 4 của luận án *Nhận xét và kinh nghiệm* (tr. 141-200), tác giả đã đánh giá những hạn chế; khái quát lại những kết quả đạt được trong quan hệ Việt Nam-Trung Quốc từ 1975 đến 2001; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng đường lối đối ngoại của Đảng và Chính phủ hiện nay.

Tác giả cho rằng "chủ trương của Đảng trong quan hệ với Trung Quốc từ năm 1975 đến năm 2001 là nỗ lực giải quyết những mâu thuẫn, bất đồng, thúc đẩy tiến tới bình thường hóa và phát triển quan hệ giữa hai nước", và như vậy "Đảng ta đã đáp ứng đòi hỏi khách quan của sự nghiệp xây dựng đất nước, góp phần vào hòa bình, ổn định ở khu vực" (tr.145-147). Tác giả đã rút ra 5 kinh nghiệm lịch sử của Đảng ta trong ứng xử với Trung Quốc như sau:

1) Nắm bắt đúng qui luật vận động, những xu thế chủ yếu trong quan hệ quốc tế, bám sát thực tiễn đất nước, nhận thức đúng về Trung Quốc để có chủ trương phù hợp;

2) Kiên trì về nguyên tắc, nhưng mềm dẻo trong sách lược, nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với Trung Quốc;

3) Phát huy những thành tựu đã đạt được, khai khác những điểm tương đồng, thu hẹp và giải quyết những bất đồng thông qua đối thoại, thương lượng hòa bình;

4) Coi trọng quan hệ với Trung Quốc, song thực hiện chính sách cân bằng và không ngừng mở rộng tăng cường quan hệ song phương với các nước khác, đặc biệt là các nước lớn, các trung tâm kinh tế chính trị trong khu vực;

5) Không ngừng xây dựng thực lực đất nước để phát triển quan hệ với Trung Quốc một cách bền vững có hiệu quả (tr. 164 - 199).

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm Luận án cấp Nhà nước họp ngày 05/12/2007 tại Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.

PHẠM THU HOA

giới thiệu